TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04/6/2018.
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Lý Công Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Huy Tùng**

2. Bà **Hà Ngân Kim Tới**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Chí Hướng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kiến Thức** – Kiểm sát viên

Vào ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 06.3.2018 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 18/5/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp NR1, thị trấn TĐ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Phạm Thanh T**, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp NR1, thị trấn TĐ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

Bà và ông Phạm Thanh T kết hôn với nhau vào năm 1999 nhưng đến năm 2008 thì mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐA2 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26/02/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do Ông T vướng vào tệ nạn cờ bạc, không quan tâm vợ con và vợ chồng thường hay cãi nhau nên đến tháng 02 năm 2017 thì bà và Ông T ly thân cho đến nay.

Trong quá trình chung sống bà và Ông T có hai người con chung tên Phạm Vũ L, sinh ngày 26/5/2002 và Phạm Đoạn T, sinh ngày 09/12/2005. Hiện nay các con chung đang sống với bà.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh T; Về con chung: Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng hai đứa con chung là Phạm Vũ L, sinh ngày 26/5/2002 và Phạm Đoạn T, sinh ngày 09/12/2005 đến trưởng thành và không yêu cầu Ông T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Phạm Thanh T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Thanh T nhưng Ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L và không đến tham gia phiên họp để công bố chứng cứ, phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/02/2018, bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Thanh T có nơi cư trú tại Ấp NR1, thị trấn TĐ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Phạm Thanh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Ngọc L:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Phạm Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐA2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và Ông T là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bị đơn không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 02 năm 2017 thì vợ chồng sống

ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà L làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà L, Ông T đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía Ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà L, Ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà L xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Vợ chồng bà Nguyễn Ngọc L và ông Phạm Thanh T có hai người con chung là Phạm Vũ L, sinh ngày 26/5/2002 và Phạm Đoạn T, sinh ngày 09/12/2005, hiện nay sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét yêu cầu của bà L là phù hợp với điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà L phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và nguyện vọng của Cháu L và T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Vũ L, sinh ngày 26/5/2002 và Phạm Đoạn T, sinh ngày 09/12/2005 cho bà Nguyễn Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Ngọc L xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng Cháu L và T nên không yêu cầu Ông T cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc Ông T cấp dưỡng cho Cháu L và T.

[8] Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Ngọc L chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Phạm Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Tuấn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Phạm Thanh T được ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao cho bà Nguyễn Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Ngọc L và ông Phạm Thanh T là Phạm Vũ L, sinh ngày 26/5/2002 và Phạm Đọan T, sinh ngày 09/12/2005 đến khi thành niên (hiện nay Cháu L và T sống chung với bà Nguyễn Ngọc L).

- Ông Phạm Thanh T không phải cấp dưỡng cho Phạm Vũ L và Phạm Đọan T.

- Ông Phạm Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Phạm Vũ L và Phạm Đọan T mà không ai được cản trở. Ông Phạm Thanh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Phạm Vũ L và Phạm Đọan T của bà Nguyễn Ngọc L.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc L chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009521, ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Ông Phạm Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Phạm Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Phạm Thanh T.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS huyện Trần Đề
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Trần Đề,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Lý Công Minh